**03 CHÍNH SÁCH THUẾ CÓ HIỆU LỰC NĂM 2023**

**Ths. Ngô Thị Kiều Trang**

## Không còn được giảm thuế giá trị gia tăng xuống 8%, Thay đổi hồ sơ miễn thuế đối với tài sản,... là những chính sách mới về thuế có hiệu lực trong năm 2023.

**1. Không còn được giảm thuế giá trị gia tăng xuống 8% theo Nghị quyết 43 và Nghị định 15**

Đây là chính sách mới về thuế có hiệu lực trong năm 2023.

Trong năm 2022, Chính phủ ban hành [Nghị định 15/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-15-2022-ND-CP-mien-giam-thue-theo-Nghi-quyet-43-2022-QH15-chinh-sach-tai-khoa-501143.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) quy định chính sách miễn, giảm thuế theo [Nghị quyết 43/2022/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-43-2022-QH15-chinh-sach-tai-khoa-tien-te-phuc-hoi-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-500776.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank).

Theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%,***trừ*** nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo [Nghị định 15/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-15-2022-ND-CP-mien-giam-thue-theo-Nghi-quyet-43-2022-QH15-chinh-sach-tai-khoa-501143.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank).

- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo [Nghị định 15/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-15-2022-ND-CP-mien-giam-thue-theo-Nghi-quyet-43-2022-QH15-chinh-sach-tai-khoa-501143.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank).

- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo [Nghị định 15/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-15-2022-ND-CP-mien-giam-thue-theo-Nghi-quyet-43-2022-QH15-chinh-sach-tai-khoa-501143.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank).

- Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo [Nghị định 15/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-15-2022-ND-CP-mien-giam-thue-theo-Nghi-quyet-43-2022-QH15-chinh-sach-tai-khoa-501143.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank), tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo [Nghị định 15/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-15-2022-ND-CP-mien-giam-thue-theo-Nghi-quyet-43-2022-QH15-chinh-sach-tai-khoa-501143.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của [Luật Thuế giá trị gia tăng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Luat-thue-gia-tri-gia-tang-2008-13-2008-QH12-66934.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) thì thực hiện theo quy định của [Luật Thuế giá trị gia tăng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Luat-thue-gia-tri-gia-tang-2008-13-2008-QH12-66934.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

***Về mức giảm thuế giá trị gia tăng:***

- Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%.

- Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng.

Tuy nhiên, việc giảm thuế giá trị gia tăng xuống 8% chỉ được áp dụng đến hết ngày 31/12/2022.

Như vậy, từ ngày 01/01/2023, sẽ không còn được giảm thuế giá trị gia tăng xuống 8% theo Nghị quyết 43 và Nghị định 15.

**2. Thay đổi hồ sơ miễn thuế đối với tài sản di chuyển khi bỏ sổ hộ khẩu giấy**

Theo [Nghị định 104/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-104-2022-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-nop-xuat-trinh-so-ho-khau-thuc-hien-thu-tuc-hanh-chinh-544177.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) về bỏ sổ hộ khẩu giấy, hồ sơ miễn thuế đối với tài sản di chuyển khi bỏ sổ hộ khẩu giấy từ ngày 01/01/2023 bao gồm:

- Hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật hải quan;

- Giấy phép lao động hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến công tác, làm việc tại Việt Nam từ 12 tháng trở lên;

- Văn bản chứng minh việc chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt thời hạn lao động ở nước ngoài đối với tổ chức, công dân Việt Nam có hoạt động ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên sau khi kết thúc hoạt động trở về nước;

- Hộ chiếu (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu trên thị thực rời đối với trường hợp hộ chiếu được cấp thị thực rời) hoặc giấy tờ thay hộ chiếu còn giá trị (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu) đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã đăng ký thường trú tại Việt Nam;

***- Bản sao của một trong các giấy tờ sau: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;***

(Hiện nay là: Sổ hộ khẩu thường trú do cơ quan Công an cấp trong đó ghi rõ địa chỉ cư trú ở nước ngoài đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã đăng ký thường trú tại Việt Nam: 01 bản sao công chứng hoặc chứng thực)

- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc miễn thuế đối với tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế: 01 bản chính.

**3. Thay đổi lịch nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính năm 2023**

[Nghị định 91/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Nghi-dinh-91-2022-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-126-2020-ND-CP-huong-dan-Luat-Quan-ly-thue-516302.aspx) đã bổ sung quy định sau:

*Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.*

Theo đó, lịch nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính năm 2023 như sau:

***(1) Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính Quý I/2023***

Theo khoản 1 Điều 55 [Luật Quản lý thuế 2019](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Luat-quan-ly-thue-2019-387595.aspx?anchor=dieu_55" \t "_blank), hàng quý, doanh nghiệp tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của quý đó chậm nhất vào ngày 30 của tháng đầu quý sau.

Năm 2023, lịch nghỉ lễ Giỗ Tổ Hùng Vương, Ngày Chiến thắng 30/4 và Ngày Quốc tế lao động người lao động sẽ kéo dài từ ngày 29/4/2023 đến hết ngày 03/5/2023 nên thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính Quý I/2023 chậm nhất là ngày 04/5/2023.

***(2) Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính Quý II/2023***

Theo khoản 1 Điều 55 [Luật Quản lý thuế 2019](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Luat-quan-ly-thue-2019-387595.aspx?anchor=dieu_55" \t "_blank), hàng quý, doanh nghiệp tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của quý đó chậm nhất vào ngày 30 của tháng đầu quý sau.

Do ngày 30/7/2023 là ngày chủ nhật trùng với ngày nghỉ hàng tuần nên thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính Quý II là ngày 31/7/2023.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/45104/chinh-sach-moi-ve-thue-co-hieu-luc-trong-nam-2023